

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CAO SU ĐỒNG NAI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai

Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10-35

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai

Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3116/QĐ-BNN-ĐMDN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc chấp thuận cổ phần hóa Xí nghiệp Xây dựng và Giao thông thuộc Công ty Cao su Đồng Nai (nay là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai); Quyết định 1875/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 29/06/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Xí nghiệp Xây dựng và Giao thông thuộc Công ty Cao su Đồng Nai, Quyết định số 1180/QĐ-CSVN ngày 19/11/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Xây dựng và Giao thông thuộc Công ty Cao su Đồng Nai thành Công ty Cổ phần.

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600986703 ngày 05/03/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/12/2021 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Thạnh	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 02/10/2024)
Ông Lê Thành Trung	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 02/10/2024)
Ông Hồ Văn Nhã	Thành viên	
Ông Nguyễn Chơn Cường	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 25/04/2024)
Ông Hoàng Trọng Phước Khánh	Thành viên	
Ông Lê Cao Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Văn	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 25/04/2024)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hồ Văn Nhã	Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Văn	Phó Giám đốc
Ông Đặng Hoàng Lâm	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Tháo	Trưởng ban kiểm soát viên chuyên trách
Ông Nguyễn Trọng Hùng	Thành viên
Bà Huỳnh Trúc Nhi	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Hồ Văn Nhã - Giám đốc.

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai

Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hồ Văn Nhã

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Số: 260325.010/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai được lập ngày 26 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng này, chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty con - Công ty TNHH Dokracor và cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thích hợp để có thể đánh giá được tính trung thực, hợp lý xét trên khía cạnh trọng yếu đối với các số liệu, thông tin tài chính phát sinh tại đơn vị này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Phạm Văn Sang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3864-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		65.085.687.260	69.247.104.746
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	19.407.915.673	13.596.047.050
111	1. Tiền		19.407.915.673	13.596.047.050
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	3.000.000.000	3.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.000.000.000	3.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		15.047.522.022	37.341.739.355
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	4.959.094.283	5.585.550.252
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	633.930.000	211.157.152
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	9.760.568.472	31.851.102.684
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(306.070.733)	(306.070.733)
140	IV. Hàng tồn kho	09	23.195.285.975	13.059.245.384
141	1. Hàng tồn kho		23.195.285.975	13.059.245.384
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.434.963.590	2.250.072.957
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		2.399.194.766	1.271.238.950
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	2.035.768.824	978.834.007
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.858.050.807	4.031.523.943
220	II. Tài sản cố định		513.604.224	686.131.879
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	513.604.224	686.131.879
222	- Nguyên giá		9.738.785.317	9.738.785.317
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.225.181.093)	(9.052.653.438)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	3.280.400.000	3.280.400.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		3.251.000.000	3.251.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		29.400.000	29.400.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		64.046.583	64.992.064
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	64.046.583	64.992.064
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		68.943.738.067	73.278.628.689

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		45.714.790.795	50.103.898.735
310	I. Nợ ngắn hạn		45.714.790.795	50.103.898.735
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	1.043.947.435	9.050.448.458
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	17.709.675.160	34.192.164.392
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	429.221.896	153.299.357
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	40.686.561	53.425.112
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	156.281.309	138.367.709
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	26.334.978.434	6.516.193.707
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		23.228.947.272	23.174.729.954
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	23.228.947.272	23.174.729.954
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		21.332.710.000	21.332.710.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		21.332.710.000	21.332.710.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		540.483.262	540.483.262
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		43.598.808	43.598.808
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.312.155.202	1.257.937.884
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		479.841	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay		1.311.675.361	1.257.937.884
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		68.943.738.067	73.278.628.689

Trần Quốc Thắng
Kế toán trưởng/ Người lập



Hồ Văn Nhã

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	116.266.427.003	75.679.424.311
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	233.616.364
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		116.266.427.003	75.445.807.947
11	4. Giá vốn hàng bán	21	106.970.382.754	70.090.665.969
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.296.044.249	5.355.141.978
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	457.132.374	762.452.271
22	7. Chi phí tài chính	23	2.220.325.952	345.102.880
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.220.325.952	345.102.313
25	8. Chi phí bán hàng		6.000.000	6.000.000
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	5.085.090.216	4.577.671.104
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.441.760.455	1.188.820.265
31	11. Thu nhập khác	25	408	249.077.273
32	12. Chi phí khác	26	700.341.796	26.660.297
40	13. Lợi nhuận khác		(700.341.388)	222.416.976
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.741.419.067	1.411.237.241
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	429.743.706	153.299.357
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.311.675.361</u>	<u>1.257.937.884</u>


Trần Quốc Thắng
Kế toán trưởng/ Người lập




Hồ Văn Nhã
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2024
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		108.517.003.607	119.424.357.553
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(119.541.121.538)	(76.302.347.358)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(19.826.165.340)	(9.933.779.360)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(2.231.939.324)	(347.114.029)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(153.821.167)	(15.556.323)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		22.656.587.338	98.369.120
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.498.865.116)	(21.625.102.188)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(13.078.321.540)	11.298.827.415
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.000.000.000)	(11.600.000.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.000.000.000	13.600.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		101.606.535	633.003.648
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		101.606.535	2.633.003.648
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		75.390.751.342	29.523.751.654
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(55.571.966.615)	(32.235.364.237)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.030.588.700)	(465.501.410)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		18.788.196.027	(3.177.113.993)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.811.481.022	10.754.717.070
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		13.596.047.050	2.841.099.366
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		387.601	230.614
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	19.407.915.673	13.596.047.050



Trần Quốc Thắng
Kế toán trưởng/ Người lập



Hồ Văn Nhã

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3116/QĐ-BNN-ĐMDN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc chấp thuận cổ phần hóa Xí nghiệp Xây dựng và Giao thông thuộc Công ty Cao su Đồng Nai (nay là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai); Quyết định 1875/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 29/06/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Xí nghiệp Xây dựng và Giao thông thuộc Công ty Cao su Đồng Nai, Quyết định số 1180/QĐ-CSVN ngày 19/11/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Xây dựng và Giao thông thuộc Công ty Cao su Đồng Nai thành Công ty Cổ phần.

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600986703 ngày 05/03/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/12/2021 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 21.332.710.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 21.332.710.000 đồng; tương đương 2.133.271 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 26 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 30 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Thi công công trình cấp thoát nước, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Thi công công trình cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Tư vấn thiết kế, giám sát, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện; hoạt động tư vấn quản lý;
- Xây dựng nhà các loại.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2024, nhu cầu đầu tư công cho các dự án xây lắp hạ tầng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tiếp tục đà tăng từ năm trước nên Công ty đã ký kết được nhiều hợp đồng thi công mới, điều này làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 40,587 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 53,63%) và giá vốn hàng bán tăng 36,88 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 52,62%) so với năm 2023, tốc độ tăng doanh thu cao hơn so với giá vốn khiến cho lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 3,94 tỷ VND so với năm trước.

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 năm

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả và các chi phí phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Giá vốn hợp đồng xây dựng

Giá vốn hợp đồng xây dựng được ghi nhận trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành của các dự án xây dựng trong năm, khối lượng công việc hoàn thành được xác định một cách đáng tin cậy và được Chủ đầu tư xác nhận.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xây dựng công trình và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	20.141.000	121.547.035
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.387.774.673	13.474.500.015
	19.407.915.673	13.596.047.050

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-

^(*) Tại ngày 31/12/2024, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng với giá trị 3.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai với lãi suất 2,9%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng để thế chấp bảo đảm cho khoản vay tại thời điểm cuối năm (Xem thuyết minh chi tiết 17).

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc		Giá gốc	
	VND	Dự phòng VND	VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con				
- Công ty TNHH Dokraco ⁽¹⁾	3.251.000.000	-	3.251.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Cao su An Lộc	1.251.000.000	-	1.251.000.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Đồng Nai Pakse ⁽²⁾	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Quỹ tín dụng Cao su Đồng Nai	29.400.000	-	29.400.000	-
	29.400.000	-	29.400.000	-
	3.280.400.000	-	3.280.400.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

- (1) Công ty TNHH Dokraco chưa ghi nhận vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 khoản thuế phải nộp bổ sung và bị phạt trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 với số tiền 651.132,25 USD tương ứng 15.900.649.545 VND theo Biên bản ghi nhớ số 0545 ngày 09/02/2022 của Tổng cục thuế Vương quốc Campuchia. Điều này dẫn đến Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai chưa trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty TNHH Dokraco với số tiền 1.251.000.000 VND. Công ty TNHH Dokraco đã ngừng hoạt động từ năm 2022. Hiện tại, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng vốn góp và đang thực hiện các thủ tục để hoàn tất việc chuyển nhượng khoản đầu tư này.
- (2) Công ty được thành lập ngày 16/12/2010, vốn đăng ký là 80.000 USD. Tại thời điểm ban đầu, Công ty TNHH Xây dựng Đồng Nai Pakse hoạt động từ số tiền ứng trước của khách hàng do công ty mẹ chưa xin được giấy phép để chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài. Đến năm 2014, Công ty TNHH Xây dựng Đồng Nai Pakse đã có lợi nhuận nên Công ty mẹ quyết định không chuyển lợi nhuận về mà để lại cho Công ty hoạt động đến nay. Do đó, đến ngày 31/12/2024, vốn góp của Công ty mẹ tại Công ty TNHH Xây dựng Đồng Nai Pakse là 0 đồng.
- Nghị quyết ĐHCĐ năm 2024 số 91/NQ-XDCĐN ngày 25/04/2024 đã quyết định thông qua giải thể Công ty TNHH Xây dựng Đồng Nai Pakse do không còn hoạt động.

Tình hình hoạt động của các công ty con trong năm:

Công ty TNHH Dokraco đã tạm ngừng kinh doanh từ ngày 15/11/2022 đến ngày 15/11/2024 để tiến hành các thủ tục tổ chức lại doanh nghiệp.

Công ty TNHH Xây dựng Đồng Nai Pakse đang làm các thủ tục giải thể.

Công ty TNHH MTV Xây dựng Cao su An Lộc hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	183.600.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cao su An Lộc	183.600.000	-	-	-
Bên khác	4.775.494.283	(306.070.733)	5.585.550.252	(306.070.733)
Ban quản lý Dự án huyện Long Thành	2.508.175.000	-	-	-
Ban quản lý Dự án huyện Cẩm Mỹ	1.961.248.550	-	-	-
Ban quản lý Dự án huyện Trảng Bom	-	-	914.799.797	-
Công ty Cổ phần LOTHAMILK	-	-	4.364.679.722	-
Các khách hàng khác	306.070.733	(306.070.733)	306.070.733	(306.070.733)
	4.959.094.283	(306.070.733)	5.585.550.252	(306.070.733)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công Ty Luật Trách Nhiệm Hữu Hạn VG	200.000.000	-	140.000.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Cây xanh Hưng Thịnh 68	333.730.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	100.200.000	-	71.157.152	-
	633.930.000	-	211.157.152	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lợi nhuận được chia	1.253.306.706	-	898.894.724	-
Phải thu về lãi tiền gửi	715.068	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	45.991.600	-	67.371.800	-
Tạm ứng	8.230.378.020	-	30.481.606.539	-
Ký cược, ký quỹ	5.500.000	-	-	-
Phải thu khác	224.677.078	-	403.229.621	-
	9.760.568.472	-	31.851.102.684	-
b) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	1.351.424.976	-	1.301.011.495	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cao su An Lộc	1.066.003.878	-	898.894.724	-
Công ty TNHH Dokracó	187.302.828	-	178.616.771	-
Ông Nguyễn Duy Văn	-	-	33.500.000	-
Ông Đặng Hoàng Lâm	98.118.270	-	190.000.000	-
Bên khác	8.409.143.496	-	30.550.091.189	-
Ông Đặng Thành Chí	3.078.000.000	-	22.499.863.500	-
Ông Phạm Duy Long	3.039.110.000	-	2.457.020.000	-
Các đối tượng khác	2.292.033.496	-	5.593.207.689	-
	9.760.568.472	-	31.851.102.684	-



Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

8 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Đồng Trí	60.290.000	-	60.290.000	-
- UBND xã Hàng Gòn	84.540.733	-	84.540.733	-
- DNTN Nguyễn Hương	44.000.000	-	44.000.000	-
- UBND xã Nhân Nghĩa	117.240.000	-	117.240.000	-
	306.070.733	-	306.070.733	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.299.000.000	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.896.285.975	-	13.059.245.384	-
	23.195.285.975	-	13.059.245.384	-

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai

Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6.338.735.711	661.934.882	2.591.516.451	146.598.273	9.738.785.317
Số dư cuối năm	6.338.735.711	661.934.882	2.591.516.451	146.598.273	9.738.785.317
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.884.558.406	661.934.882	2.367.340.944	138.819.206	9.052.653.438
- Khấu hao trong năm	71.883.000	-	92.865.588	7.779.067	172.527.655
Số dư cuối năm	5.956.441.406	661.934.882	2.460.206.532	146.598.273	9.225.181.093
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	454.177.305	-	224.175.507	7.779.067	686.131.879
Tại ngày cuối năm	382.294.305	-	131.309.919	-	513.604.224

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 513.604.224 VND

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.718.630.841 VND

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	37.937.799	63.410.223
Chi phí sửa chữa tài sản	-	1.581.841
Chi phí trả trước khác	26.108.784	-
	64.046.583	64.992.064

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH MTV Đại Hữu Nghị	568.442.435	568.442.435	768.724.435	768.724.435
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bê tông Đồng Tiến	475.505.000	475.505.000	1.863.196.636	1.863.196.636
Công ty TNHH Vận Tải Hoàng Tiến Quân	-	-	3.323.118.000	3.323.118.000
Phải trả người bán khác	-	-	3.095.409.387	3.095.409.387
	1.043.947.435	1.043.947.435	9.050.448.458	9.050.448.458

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên khác		
- Ban Quản lý Dự án huyện Thống Nhất	15.578.776.957	25.102.771.000
- Ban Quản lý Dự án huyện Long Thành	-	6.141.891.392
- Ban Quản lý Dự án huyện Trảng Bom	2.122.498.203	-
- Người mua trả tiền trước khác	8.400.000	2.947.502.000
	17.709.675.160	34.192.164.392

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai

Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	838.616.527	-	-	1.197.152.297	2.035.768.824	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	153.299.357	429.743.706	153.821.167	-	429.221.896
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	30.368.475	30.368.475	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	140.217.480	-	1.344.950.799	1.204.733.319	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	978.834.007	153.299.357	1.808.062.980	2.589.075.258	2.035.768.824	429.221.896

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	37.018.226	48.631.598
- Chi phí phải trả khác	3.668.335	4.793.514
	40.686.561	53.425.112

16 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	61.151.824	79.285.024
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	95.129.485	59.082.685
	156.281.309	138.367.709

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai

Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

17 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (*)	6.516.193.707	6.516.193.707	75.390.751.342	55.571.966.615	26.334.978.434	26.334.978.434
	<u>6.516.193.707</u>	<u>6.516.193.707</u>	<u>75.390.751.342</u>	<u>55.571.966.615</u>	<u>26.334.978.434</u>	<u>26.334.978.434</u>

(*) Hợp đồng cho vay hạn mức số 300190463/2025-HĐCVHM/NHCT680-DORUCON ngày 13/01/2025, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 VND bao gồm các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng cho vay hạn mức số 300190463/2024-HĐCVHM/NHCT680-DORUCON ngày 10/01/2024;

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 31/12/2025;

- Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ;

- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 26.334.978.434 VND;

- Các hình thức bảo đảm tiền vay:

+ Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01.300190463/2019/HĐBĐ/NHCT680 ngày 25/04/2019: Thế chấp quyền tài sản/quyền đòi nợ phát sinh theo từng Hợp đồng kinh tế/thi công do chi nhánh tài trợ vốn;

+ Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01.14.0463/HĐTC-NC-VKT-DORUCON ngày 28/4/2017: Toàn bộ nhà xưởng và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty xã Xuân Lập, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;

+ Hợp đồng thế chấp động sản số 02.14.0463/HĐTC-MMTB-PVTV-DORUCON ngày 19/03/2014: Toàn bộ phương tiện vận tải, truyền dẫn và máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty;

+ Hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 300190463/HĐBĐ/NHCT680-HĐTG3TY ngày 28/12/2023: Tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 3 tỷ VND.

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai

Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	21.332.710.000	540.483.262	43.598.808	427.380.923	22.344.172.993
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.257.937.884	1.257.937.884
Chia cổ tức	-	-	-	(426.654.200)	(426.654.200)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(726.723)	(726.723)
Số dư cuối năm trước	21.332.710.000	540.483.262	43.598.808	1.257.937.884	23.174.729.954
Số dư đầu năm nay	21.332.710.000	540.483.262	43.598.808	1.257.937.884	23.174.729.954
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.311.675.361	1.311.675.361
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(1.066.635.500)	(1.066.635.500)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(190.822.543)	(190.822.543)
Số dư cuối năm nay	21.332.710.000	540.483.262	43.598.808	1.312.155.202	23.228.947.272

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 91/NQ-XDCSDN ngày 25/04/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính hợp nhất	100,00	1.257.458.043
Chi trả cổ tức	84,82	1.066.635.500
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15,18	190.822.543

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	29,00	6.186.660.000	29,00	6.186.660.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển ST8	15,02	3.204.000.000	0,00	-
- Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	12,50	2.666.660.000	12,50	2.666.660.000
- Các cổ đông khác	43,48	9.275.390.000	58,50	12.479.390.000
	100	21.332.710.000	100	21.332.710.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	21.332.710.000	21.332.710.000
- Vốn góp cuối năm	21.332.710.000	21.332.710.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	59.082.685	97.929.895
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	1.066.635.500	426.654.200
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.066.635.500	426.654.200
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(1.030.588.700)	(465.501.410)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(1.030.588.700)	(465.501.410)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	95.129.485	59.082.685

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.133.271	2.133.271
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.133.271	2.133.271
- Cổ phiếu phổ thông	2.133.271	2.133.271
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.133.271	2.133.271
- Cổ phiếu phổ thông	2.133.271	2.133.271
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	43.598.808	43.598.808
	43.598.808	43.598.808

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng làm việc. Diện tích khu đất thuê là 59.922 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
- Đồng đô la Mỹ (USD)	331,00	344,20

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ban Quản lý Dự án huyện Tân Phú	103.951.587	103.951.857
	103.951.587	103.951.857

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	552.956.480	800.005.076
Doanh thu hợp đồng xây dựng	115.713.470.523	74.879.419.235
	116.266.427.003	75.679.424.311
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 32)	170.000.000	170.000.000

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	353.416.826	514.800.542
Giá vốn hợp đồng xây dựng	106.616.965.928	69.575.865.427
	106.970.382.754	70.090.665.969

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	96.735.603	31.383.732
Cổ tức, lợi nhuận được chia	351.311.925	725.863.953
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	11.188	4.153
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	9.073.658	5.200.433
	457.132.374	762.452.271
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 32)	345.725.925	720.277.953

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.220.325.952	345.102.313
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	567
	2.220.325.952	345.102.880

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	347.850.086	318.990.893
Chi phí nhân công	1.922.672.700	2.002.042.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.662.067	80.246.640
Thuế, phí, và lệ phí	763.439.188	412.994.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	930.876.066	990.622.699
Chi phí khác bằng tiền	1.040.590.109	772.774.110
	5.085.090.216	4.577.671.104

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	249.077.273
Thu nhập khác	408	-
	408	249.077.273

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tiền thuê đất nộp bổ sung	687.883.562	-
Các khoản bị phạt	5.458.234	-
Chi phí khác	7.000.000	26.660.297
	700.341.796	26.660.297

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.741.419.067	1.411.237.241
Các khoản điều chỉnh tăng	767.685.045	86.323.929
- Chi phí không hợp lệ	5.458.234	-
- Chi phí lãi vay loại trừ theo nghị định 132/2020/NĐ-CP	702.226.811	26.323.929
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	60.000.000	60.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(360.385.583)	(731.064.386)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(351.311.925)	(725.863.953)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ và các khoản phải thu cuối năm	(9.073.658)	(5.200.433)
Thu nhập chịu thuế TNDN	2.148.718.529	766.496.784
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	429.743.706	153.299.357
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	153.299.357	15.556.323
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(153.821.167)	(15.556.323)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	429.221.896	153.299.357

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89.263.537.492	58.737.096.142
Chi phí nhân công	16.271.751.650	10.199.406.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	172.527.655	173.112.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.315.335.675	16.076.053.219
Chi phí khác bằng tiền	1.875.361.089	1.201.423.472
	118.898.513.561	86.387.091.743

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí ...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền	19.387.774.673	-	-	19.387.774.673
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.413.592.022	-	-	14.413.592.022
Các khoản cho vay	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
	36.801.366.695	-	-	36.801.366.695

Tại ngày 01/01/2024				
Tiền	13.474.500.015	-	-	13.474.500.015
Phải thu khách hàng, phải thu khác	37.130.582.203	-	-	37.130.582.203
Các khoản cho vay	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
	53.605.082.218	-	-	53.605.082.218

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	26.334.978.434	-	-	26.334.978.434
Phải trả người bán, phải trả khác	1.200.228.744	-	-	1.200.228.744
Chi phí phải trả	40.686.561	-	-	40.686.561
	27.575.893.739	-	-	27.575.893.739

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	6.516.193.707	-	-	6.516.193.707
Phải trả người bán, phải trả khác	9.188.816.167	-	-	9.188.816.167
Chi phí phải trả	53.425.112	-	-	53.425.112
	15.758.434.986	-	-	15.758.434.986

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	75.390.751.342	29.523.751.654
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	55.571.966.615	32.235.364.237

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cao su An Lộc	Công ty con
Công ty TNHH Dokracó	Công ty con
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Nai Pakse	Công ty con
Công ty Cổ phần Thống Nhất	Cùng được góp vốn bởi cổ đông lớn của Công ty - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Dầu Giây	Cùng được góp vốn bởi cổ đông lớn của Công ty - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai
Ông Lê Cao Sơn	Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Đặng Hoàng Lâm	Cổ đông kiêm Phó Giám đốc

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	170.000.000	170.000.000
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Cao su An Lộc	170.000.000	170.000.000
Lợi nhuận được chia	345.725.925	720.277.953
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Cao su An Lộc	345.725.925	720.277.953
Tạm ứng	135.864.270	286.022.000
- Ông Lê Cao Sơn	68.931.000	156.022.000
- Ông Đặng Hoàng Lâm	66.933.270	130.000.000
Hoàn ứng	239.096.000	432.472.000
- Ông Nguyễn Duy Văn	-	276.800.000
- Ông Lê Cao Sơn	80.281.000	144.672.000
- Ông Đặng Hoàng Lâm	158.815.000	11.000.000
Chi hộ	-	27.500.000
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Cao su An Lộc	-	27.500.000
Thu tiền chi hộ	-	27.500.000
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Cao su An Lộc	-	27.500.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		907.100.000	823.017.000
- Ông Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 02/10/2024)	6.000.000	-
- Ông Lê Thành Trung	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 02/10/2024)	18.000.000	24.000.000
- Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 25/04/2024)	-	18.000.000
- Ông Hoàng Trọng Phước Khánh	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
- Ông Nguyễn Chơn Cường	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25/04/2024)	18.000.000	-
- Ông Lê Cao Sơn	Thành viên HĐQT	130.200.000	129.847.000
- Ông Hồ Văn Nhã	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	210.500.000	187.571.000
- Ông Nguyễn Duy Văn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	183.100.000	156.533.000
- Ông Đặng Hoàng Lâm	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	180.700.000	150.533.000
- Ông Trần Quốc Thắng	Kế toán trưởng	142.600.000	138.533.000

Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai
Số 6, Đường số 1, Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

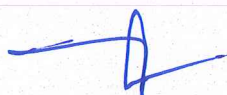
Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

<u>Chức vụ</u>		<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
		VND	VND
Thù lao và chi phí hoạt động khác của Ban Kiểm soát		295.300.000	270.730.000
- Ông Nguyễn Văn Thảo	Trưởng ban kiểm soát	142.600.000	138.533.000
- Ông Nguyễn Trọng Hùng	Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
- Bà Huỳnh Trúc Nhi	Thành viên Ban kiểm soát	140.700.000	120.197.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Trần Quốc Thắng
Kế toán trưởng/ Người lập




Hồ Văn Nhã
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2025